

Bản án số: 48/2017/HSST

Ngày: 28/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thiện

2. Ông Phan Công Chiến

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2017/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

SÀN THANH H, sinh ngày 14/4/1991 tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: Ấp T, xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Không;

Trình độ văn hoá: 10/12;

Con ông Sàn A D, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1960;

Bị cáo chưa có vợ;

Tiền án: Có một tiền án tại Bản án số 71/2014/HSST ngày 28/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 4.000.000 đồng).

Tại Bản án 193/2015/HSST ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Tài sản chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng).

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Nhật Long H là luật sư thuộc Văn phòng luật sư Huy Nguyên thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Có mặt.

* Người bị hại: Phạm Việt Q, sinh năm 1990. Vắng mặt

Nơi cư trú: Phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* Người làm chứng:

- Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp F, xã PL, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

- Lê Minh K, sinh năm 1994. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp PĐ, xã VT, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Sàn Thanh H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do quen biết nhau từ trước nên vào khoảng 17 giờ ngày 07/5/2015, Sàn Thanh H điện thoại rủ Phạm Việt Q (SN: 1990; ĐKTT: Phường A, thành phố BT) đến khu vực vòng xoay phường 6, thành phố Bến Tre để uống rượu. Khi đi, H có mượn xe mô tô loại Exciter của một người bạn tên P (không rõ họ, địa chỉ) đang ở trọ tại một nhà trọ ở xã SD, thành phố BT để đi. Nhưng khi H đi đến gần vòng xoay phường 6 thì xe bị hư hỏng nên H đem vào một tiệm sửa xe ven đường gửi sửa rồi đi bộ đến vòng xoay phường 6 gặp Q. Tại đây, H rủ Q vào quán trên vỉa hè đường Võ Nguyên Giáp (hiện nay) thuộc ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre để uống rượu. Được một lúc, Q điện thoại rủ thêm Nguyễn Văn Đ (SN: 1986; ĐKTT: Ấp F, xã PL, huyện GT, tỉnh Bến Tre) và Lê Minh K (SN: 1994; ĐKTT: Ấp PĐ, xã VT, huyện CL, tỉnh Bến Tre) đến cùng uống rượu. Trong lúc uống rượu, H nhận được điện thoại của P kêu mang xe về trả cho P đi công việc nên H hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen bạc, biển số 71C4-072.10 của Q để chạy về nhà trọ của P chờ P đi lấy xe đang sửa thì Q đồng ý. Sau khi mượn được xe của Q, H chạy về nhà trọ của P thì thấy P đang tắm bên trong. Thấy vậy, H để lại chìa khóa xe của P và chỉ P ra tiệm sửa xe gần vòng xoay phường 6 để lấy xe về. Nói chuyện với P xong, H điều khiển xe của Q định trở lại quán để uống rượu tiếp nhưng khi đến vòng xoay Tân Thành thì H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của Q đem bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, H điều khiển xe của Q đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) được 4.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ trốn. Hiện tài sản không thu hồi được.

Theo bảng kết luận định giá trị tài sản sản số 975/KL-HĐĐG ngày 23/6/2015 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen bạc, biển số 71C4-072.10, số máy C52E-5283154, số khung 231CY-506412 có trị giá vào ngày 07/5/2015 là 12.375.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 43/KSĐT-KT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Sàn Thanh H về tội “Lạm

dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo H từ 12 đến 18 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Ghi nhận việc bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Q số tiền 12.375.000 đồng, bị hại Q không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư Trần Nhật Long H bào chữa cho bị cáo cho rằng ý thức chiếm đoạt của bị cáo H phát sinh sau khi mượn xe của Q nên thống nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre truy tố bị cáo H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời, bị cáo là người dân tộc Tày nên cần áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị, đồng thời cũng không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Người làm chứng là anh Đ và anh K đều có lời khai xác định vào ngày 07/5/2015, anh Q điện thoại cho anh Đ và anh K đến tham gia uống rượu. Trong lúc đang uống rượu thì bị cáo H hỏi mượn xe của anh Q để đi rước anh P đến tiệm sửa xe lấy xe trả lại cho anh P. Sau khi mượn xe của anh Q, bị cáo không mang xe trả lại cho anh Q.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người làm chứng không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Việc vắng mặt của người bị hại là anh Q tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của

người bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên xét xử vắng mặt người bị hại là phù hợp quy định tại Điều 191 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo H tại phiên toà phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 07/5/2015, thông qua việc mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ bạc đen, biển số 71C4-072.10 của anh Q, bị cáo H đã đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Kết quả định giá tài sản xác định trị giá tài sản vào ngày 07/5/2015 là 12.375.000 đồng.

[3] Bị cáo H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo cố ý thực hiện và trên thực tế đã thực hiện trót lọt hành vi đó. Vì vậy, cáo trạng số 43/KSĐT-KT ngày 22/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội nơi bị cáo thực hiện tội phạm nên cần xử lý nghiêm.

[5] Vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một mình, có lỗi cố ý trực tiếp, vì động cơ vụ lợi; lợi dụng bạn bè quen thân để dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội. Xét nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu. Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự (Do hành vi bị cáo thực hiện trước lần bị cáo phạm tội đã bị kết án tại bản án số 193/2015/HSST ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên không tính bị cáo tái phạm nguy hiểm). Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng là thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn được quy định tại điểm b, g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như lời phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Riêng người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự là bị cáo là dân tộc Tày, Hội đồng xét xử xét thấy đây là điều pháp luật chưa quy định nên không được chấp nhận. Việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung

[6] Về chiếc xe mô tô biển số 71C4-07210, bị cáo H đã bán cho một người ở thành phố Hồ Chí Minh không rõ tên, địa chỉ không thu hồi lại được. Bị cáo H đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong cho bị hại Q 12.375.000 đồng, anh Q không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo H không nghề nghiệp, không có tài sản. Việc áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự là không có tác dụng, không thi hành án được nên không cần thiết áp dụng.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo H phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Sàn Thanh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Sàn Thanh H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về phần bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc bị cáo Sàn Thanh H đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại Phạm Việt Q 12.375.000 (Mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, bị hại Phạm Việt Q không yêu cầu gì thêm.

3. Áp dụng Điều 23, 26, 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Sàn Thanh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai (1b);
- Bị cáo, người bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình